

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-Cp ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007, Thông tư 29/2011/TT-BKHCN ngày 25/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Quyết định 39/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 316/TB-BGTVT ngày 10/8/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả cuộc họp xem xét nội dung Dự thảo tiêu chuẩn “Tiêu chuẩn phân loại bến thủy nội địa”;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng KHCN-HTQT&MT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố các Tiêu chuẩn cơ sở sau đây:

TCCS 03:2020/CĐTND

Bến thủy nội địa – Phân loại

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng cơ quan Cục và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ GTVT (Vụ KHCN);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu VT, KHCN-HTQT&MT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Minh Đạo
Lê Minh Đạo

TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 03 : 2020

Xuất bản lần 1

BẾN THỦY NỘI ĐỊA - PHÂN LOẠI

Hà Nội 2020

1 Phạm vi áp dụng	3
2 Tài liệu viện dẫn	3
3 Thuật ngữ và định nghĩa	3
4 Yêu cầu của bến thủy nội địa	3
4.1 Yêu cầu chung	3
4.2 Yêu cầu cụ thể bến hàng hóa và bến chuyên dùng.....	4
4.3 Yêu cầu cụ thể bến hành khách.....	5
4.4 Yêu cầu cụ thể bến khách ngang sông.....	6
4.5. Yêu cầu cụ thể bến tổng hợp.....	6
5 Nguyên tắc phân loại bến thủy nội địa	6
6 Cơ sở phân loại bến thủy nội địa	7
6.1 Cơ sở phân loại bến hàng hóa.....	7
6.3 Cơ sở phân loại bến hành khách.....	8
6.4 Cơ sở phân loại bến khách ngang sông.....	8
6.5. Cơ sở phân loại bến tổng hợp.....	9
7 Tiêu chuẩn phân loại bến thủy nội địa	9
7.1 Tiêu chuẩn phân loại bến hàng hóa.....	9
7.2 Tiêu chuẩn phân loại bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa	10
7.3 Tiêu chuẩn phân loại bến hành khách.....	11
7.4 Tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông.....	12
7.5 Tiêu chuẩn phân loại bến tổng hợp.....	13

HƯỚNG
 NỘI
 VIỆT
 HO

TCCS 03 : 2020/CĐTND

Lời nói đầu

TCCS 03:2020/CĐTND - Bền thủy nội địa - Phân loại do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam biên soạn, đề nghị, Bộ Giao thông vận tải thẩm định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố.

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân phân loại khi xây dựng, quản lý, khai thác bến thủy nội địa.

2 Tài liệu viện dẫn

- TCVN 5664 Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;
- TCVN 10305:2015, Cảng và bến thủy nội địa – Phân cấp kỹ thuật.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Các thuật ngữ trong tiêu chuẩn này được hiểu như sau:

3.1 Bến hàng hóa là bến thủy nội địa dùng để xếp, dỡ hàng hóa và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác từ kho, bãi lên phương tiện thủy hoặc các loại phương tiện khác và ngược lại hoặc chuyển tải giữa các phương tiện.

3.2 Bến hành khách là loại bến thủy nội địa phục vụ việc đón, trả hành khách (bao gồm hàng hóa hoặc phương tiện giao thông đường bộ do hành khách mang theo) và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác từ bờ lên, xuống phương tiện thủy và ngược lại.

3.3. Bến tổng hợp là bến thủy nội địa thực hiện từ hai phương thức trở lên đối với phương thức xếp, dỡ hàng hóa; chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa; đón, trả hành khách; đón, trả khách ngang sông và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác.

4 Yêu cầu của bến thủy nội địa

4.1 Yêu cầu chung

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, quy hoạch của địa phương, vị trí bến có địa hình, thủy văn ổn định;

b) Thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy chữa cháy; bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Lắp đặt và duy trì báo hiệu đường thủy nội địa theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam, cọc bích và hệ thống chống va bảo đảm an toàn cho phương tiện neo đậu theo quy định. Bến khai thác vào ban đêm phải có đủ hệ thống đèn chiếu sáng khu vực xếp, dỡ, sản xuất hoặc khu vực hành khách chờ và lên, xuống;

d) Phải bố trí lắp đặt bảng nội quy hoạt động bến theo quy định: bảng nội quy sử dụng vật liệu cứng, cố định, bề mặt phẳng hình chữ nhật (nền màu xanh, chữ màu trắng) bảo đảm chứa đầy đủ nội dung. Kích thước bảng từ $1,0 \div 1,5m^2$;

đ) Được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

4.2 Yêu cầu cụ thể bến hàng hóa và bến chuyên dùng

Ngoài yêu cầu tại tiểu mục 4.1, đối với bến hàng hóa và bến chuyên dùng được quy định cụ thể như sau:

a) Vùng nước của bến bảo đảm kích thước tương ứng với khả năng tiếp nhận phương tiện ra, vào; neo đậu an toàn, thuận lợi; công trình bến và thiết bị xếp dỡ tương ứng với khả năng tiếp nhận phương tiện ra, vào; neo đậu an toàn, thuận lợi; không chông lán với luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa. Trường hợp luồng hẹp không bảo đảm tiêu chuẩn phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa, vùng nước trước bến cho phép nằm trong hành lang bảo vệ luồng và phải được cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa thống nhất;

b) Luồng vào bến phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật luồng và tương đương với cấp kỹ thuật của tuyến sông, kênh tại bến được đấu nối theo quy định;

c) Công trình bến, cầu tàu, đường triền của bến đóng mới, sửa chữa phải bảo đảm an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Thiết bị xếp dỡ hàng hóa hoạt động tại bến phải bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và phù hợp với tải trọng của công trình bến đã được quy định;

đ) Có nhà vệ sinh; có phương án phòng, chống cháy nổ; có đầy đủ dụng cụ và thiết bị phòng cháy, chữa cháy;

e) Bảng nội quy được niêm yết tại bến theo quy định.

- Bảng nội quy tại bến phải được lắp đặt ở vị trí bảo đảm cho người đến làm việc, thuyền viên dễ nhìn, dễ đọc, không bị che khuất, mờ các nội dung trên bảng;

- Nội quy của bến hàng hóa và bến chuyên dùng phải quy định đầy đủ, cụ thể trách nhiệm của người đến làm việc, thuyền viên, người lái phương tiện, cán bộ, công nhân viên nhưng bảo đảm nguyên tắc không trái với các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và phù hợp với điều kiện cụ thể của bến.

g) Đối với bến chuyên xếp dỡ hàng nguy hiểm: ngoài các yêu cầu tại tiểu mục 4.1, điểm a, b, c, d, đ, và điểm e tiểu mục này còn phải thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đối với hàng nguy hiểm (bao gồm kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt theo quy định đối với bến thủy nội địa kinh doanh, xếp dỡ xăng, dầu);

h) Thiết bị camera (nếu có) hoạt động 24/24 giờ để ghi hình tàu, phương tiện ra, vào bến; thiết bị, máy bốc, xếp hàng hóa kết nối với máy tính quản lý tại bến, chế độ lưu trữ tối thiểu 10 ngày.

4.3 Yêu cầu cụ thể bến hành khách

Ngoài yêu cầu tại tiểu mục 4.1, điểm a, b, c và điểm đ tiểu mục 4.2, yêu cầu đối với bến hành khách được quy định cụ thể như sau:

a) Có đường dẫn hoặc cầu dẫn cho người, phương tiện giao thông đường bộ lên, xuống an toàn, thuận tiện; có đủ trang, thiết bị để phương tiện neo buộc chắc chắn, an toàn; có đèn chiếu sáng (nếu hoạt động ban đêm);

b) Có nơi chờ cho hành khách; khu dịch vụ, sinh hoạt tạm thời cho hành khách (nếu có):

- Nơi chờ được xây kiên cố hoặc khung bao tạm thời có mái che chắc chắn, an toàn và có đủ ghế ngồi cho hành khách;

- Sản phẩm phục vụ phù hợp điều kiện kinh doanh của bến và là sản phẩm không thuộc loại pháp luật cấm;

- Khu dịch vụ, nhà vệ sinh, sinh hoạt tạm thời có người phục vụ và được niêm yết công khai giá từng sản phẩm phục vụ hành khách.

c) Có bảng niêm yết giá vé công khai, điểm bán vé và kiểm soát vé tại bến.

- Giá vé theo lộ trình điểm đi, đến của tàu, phương tiện vận chuyển hành khách (bao gồm một chiều và hai chiều);

- Giá vé được niêm yết là vé chuyến, vé ngày, vé tháng, vé năm tùy theo điều kiện kinh doanh của bến;

- Điểm bán vé tại bến và tại các địa điểm khác (nếu có) phải ghi rõ địa chỉ nơi bán vé niêm yết tại bến.

đ) Bảng nội quy bến hành khách

- Bảng nội quy tại bến phải được lắp đặt ở vị trí bảo đảm cho hành khách, nhân viên phục vụ tại bến dễ nhìn, dễ đọc, không bị che khuất;

- Nội quy của bến hành khách phải quy định đầy đủ, cụ thể trách nhiệm của hành khách, thuyền viên, người lái phương tiện, nhân viên phục vụ, phương tiện hoạt động tại bến hành khách, nhưng bảo đảm nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, đạo đức xã hội và phù hợp với điều kiện cụ thể của bến.

e) Thiết bị camera ghi hình hoạt động 24/24 giờ tại khu vực lên xuống tàu, phương tiện vận chuyển hành khách kết nối với máy tính tại bến, chế độ lưu trữ tối thiểu 10 ngày;

g) Có phương án hoạt động, kế hoạch cứu hộ, cứu nạn tại bến đã được phê duyệt theo quy định.

4.4 Yêu cầu cụ thể bến khách ngang sông

Ngoài yêu cầu tại tiểu mục 4.1 và điểm a tiểu mục 4.3, yêu cầu đối với bến khách ngang sông được quy định cụ thể như sau:

a) Có nơi chờ cho hành khách: Quy định nơi chờ cho hành khách nằm ngoài phạm vi đường giao thông dành cho phương tiện cơ giới và phương tiện thô sơ lên, xuống bến;

b) Có bảng niêm yết giá vé tại bến: Giá vé có thể là vé chuyến, vé ngày, vé tháng, vé năm;

c) Đối với bến được phép chở ô tô thì đường lên, xuống bến phải bảo đảm, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với loại ô tô được phép hoạt động; có cổng hoặc thanh chắn hoặc hàng rào phân định rõ ranh giới hành khách, phương tiện giao thông đường bộ chờ đợi trước khi xuống phà, phương tiện chở;

d) Phải bố trí tời tại bến có đủ sức kéo đối với phương tiện giao thông đường bộ có tải trọng lớn nhất được phép chở để ứng cứu phương tiện khi có sự cố xảy ra;

đ) Bảng nội quy bến khách ngang sông

- Bảng nội quy phải được lắp đặt ở vị trí bảo đảm cho hành khách dễ nhìn, dễ đọc, không bị che khuất, các nội dung trên bảng sáng rõ;

- Nội quy của bến phải quy định đầy đủ, cụ thể trách nhiệm của hành khách, thuyền viên, người lái phương tiện, nhân viên phục vụ, phương tiện hoạt động tại bến, nhưng bảo đảm nguyên tắc không trái với các quy định pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, đạo đức xã hội và phù hợp với điều kiện cụ thể của bến.

e) Phương tiện, thiết bị hoạt động tại bến phải được đăng ký, đăng kiểm còn hiệu lực theo quy định và phù hợp với từng loại bến.

4.5. Yêu cầu cụ thể bến tổng hợp

Được cấp phép đầu tư xây dựng hoặc cấp phép hoạt động đồng thời hoặc từng phần của bến vận chuyển, xếp, dỡ hàng hóa, chuyên dùng, hành khách và khách ngang sông, ngoài quy định tại tiểu mục 4.1 phải đáp ứng đầy đủ tương ứng các yêu cầu đối với bến cấp phép đầu tư xây dựng hoặc cấp phép hoạt động của bến hàng hóa, chuyên dùng, hành khách và khách ngang sông theo quy định tại tiểu mục 4.2, tiểu mục 4.3 và tiểu mục 4.4.

5 Nguyên tắc phân loại bến thủy nội địa

5.1 Quy hoạch bến thủy nội địa được công bố và đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, duy tu, sửa chữa và khai thác bến thủy nội địa trên cơ sở hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

5.2 Hiện trạng bến thủy nội địa đang khai thác đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động và phù hợp với thời hạn của giấy phép;

5.3 Phân loại bến theo dạng công năng sử dụng và quy mô bến thủy tại thời điểm phân loại;

5.4 Loại bến thủy nội địa phải đạt tối thiểu 80% các tiêu chí tiêu chuẩn phân loại. Trong đó, các tiêu chí bắt buộc phải đáp ứng đầy đủ thông số kỹ thuật được phân loại, cụ thể như sau:

a) Đối với bến hàng hóa: khả năng tiếp nhận lượng hàng hóa thông qua; khả năng tiếp nhận phương tiện có trọng tải toàn phần.

b) Đối với bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa: khả năng đóng mới và tiếp nhận phương tiện sửa chữa có trọng tải toàn phần; đường triền và kết cấu đường triền.

c) Đối với bến hành khách: khả năng tiếp nhận số lượng hành khách thông qua bến; khả năng tiếp nhận phương tiện; khu nhà chờ cho hành khách; hệ thống thiết bị camera ghi hình tại bến để kiểm soát phương tiện, người hoạt động tại bến kết nối với máy chủ quản lý của bến.

d) Đối với bến khách ngang sông: số lượng hành khách thông qua bến trung bình; phương tiện giao thông thô sơ đường bộ.

đ) Trường hợp đối với bến tổng hợp, tiêu chuẩn phân loại mức tối thiểu là tỷ lệ phần trăm trung bình cộng và đáp ứng các tiêu chí bắt buộc về thông số kỹ thuật được phân loại. Phân loại bến tổng hợp xác định từ hai loại trở lên theo quy mô đầu tư hoặc cấp phép hoạt động tổng hợp của chủng loại bến về hàng hóa, chuyên dùng, hành khách và khách ngang sông quy định tại các điểm a, b, c và d của tiểu mục này. Phân loại bến lựa chọn theo thứ tự ưu tiên từ loại cao xuống loại thấp.

6 Cơ sở phân loại bến thủy nội địa

6.1 Cơ sở phân loại bến hàng hóa

a) Lượng hàng hóa thông qua bến thủy nội địa trung bình trong một năm tính theo tấn hàng hóa/năm;

b) Trọng tải phương tiện lớn nhất bến có khả năng tiếp nhận để bốc, xếp hàng hóa phải phù hợp với kết cấu, sức chịu lực của công trình theo hồ sơ cấp phép bến thủy nội địa còn hiệu lực tại thời điểm phân loại;

c) Kết nối giao thông đường xã, đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ hoặc khu công nghiệp: trực tiếp đầu nối hoặc thông qua đường chuyên dùng của bến;

d) Kết cấu cầu bến: bảo đảm an toàn kỹ thuật, chiều dài cầu bến tương ứng với khả năng thiết bị cho phép xếp dỡ hàng hóa tại cầu bến

đ) Diện tích kho, bãi chứa của bến thủy nội địa, thiết bị bốc, xếp hàng hóa và nhà điều hành phục vụ hoạt động bến;

e) Hệ thống camera ghi hình kiểm soát phương tiện, người hoạt động tại bến kết nối với máy chủ của bến phải bao phủ toàn bộ phạm vi bến (bao gồm vùng nước bến).

6.2 Cơ sở phân loại bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa

a) Trọng tải phương tiện lớn nhất đóng mới và tiếp nhận phương tiện sửa chữa có trọng tải phù hợp với kết cấu, sức chịu lực của công trình theo hồ sơ cấp phép tại thời điểm phân loại;

b) Kết nối giao thông đường xã, đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ hoặc khu công nghiệp: trực tiếp đầu nối hoặc thông qua đường chuyên dùng của bến;

c) Kết cấu cầu bến: bảo đảm an toàn kỹ thuật, chiều dài cầu bến tương ứng với khả năng thiết bị trang trí tại cầu bến;

d) Đường triền và kết cấu đường triền: bảo đảm an toàn kỹ thuật, chiều dài, chiều rộng và độ dốc đường triền tương ứng với khả năng chịu lực của công trình đối với trọng tải phương tiện được lên đả hoặc hạ thủy;

đ) Diện tích kho, bãi chứa của bến thủy nội địa, thiết bị đóng mới, sửa chữa phương tiện và nhà điều hành phục vụ hoạt động bến;

e) Hệ thống camera ghi hình kiểm soát phương tiện, người hoạt động tại bến kết nối với máy chủ của bến.

6.3 Cơ sở phân loại bến hành khách

a) Lượng hành khách thông qua bến thủy nội địa trung bình trong một năm, tính theo lượt hành khách/năm;

b) Chủng loại phương tiện chở hành khách và khả năng tiếp nhận phương tiện có trọng tải lớn nhất;

c) Kết cấu cầu bến: bảo đảm an toàn kỹ thuật, chiều dài cầu bến ứng với trọng tải phương tiện chở khách;

d) Kết nối giao thông đường thủy, đường bộ (đường đô thị), khu du lịch, sinh thái;

đ) Diện tích khuôn viên đón, trả khách;

e) Nơi chờ cho hành khách, mô hình dịch vụ bến hành khách;

f) Hệ thống camera ghi hình kiểm soát phương tiện, người hoạt động tại bến kết nối với máy chủ của bến phải bao phủ toàn bộ phạm vi bến (bao gồm vùng nước bến).

6.4 Cơ sở phân loại bến khách ngang sông

a) Kết nối giao thông nội bộ, đường xã, đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ;

b) Đối tượng phục vụ của bến bao gồm: khách bộ hành, xe thô sơ, xe máy, xe cải tiến, xe ô tô hoặc hành khách kết hợp phương tiện;

c) Chủng loại phương tiện hoạt động tại bến khách ngang sông;

d) Kết cấu bến

- Mặt bến, lưới bến: Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với loại phương tiện thủy có

trọng tải lớn nhất ra vào bến và phương tiện đường bộ lớn nhất được phép chở;

- Cầu bến (nếu có): đảm bảo an toàn kỹ thuật, có chiều dài tương ứng đáp ứng được phương tiện thủy chở khách lớn nhất ra vào hoạt động.

6.5. Cơ sở phân loại bến tổng hợp

Đáp ứng các yêu cầu quy định tại các tiểu mục 6.1, 6.2, 6.3 và 6.4 theo quy mô đầu tư được duyệt hoặc cấp phép hoạt động đối với chủng loại bến tổng hợp về hàng hóa, chuyên dùng, hành khách và khách ngang sông đò.

7 Tiêu chuẩn phân loại bến thủy nội địa

7.1 Tiêu chuẩn phân loại bến hàng hóa

Bến thủy nội địa chuyên dùng cho thủy phi cơ, trong mọi trường hợp được quy định phân loại là bến thủy nội địa loại I;

Bến hàng hóa được phân thành 2 loại, từ loại I đến loại II theo Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1 - Phân loại bến hàng hóa

TT	Quy mô bến	Loại bến	
		Loại I	Loại II
1	Khả năng tiếp nhận lượng hàng hóa thông qua (tấn/năm)	≥ 300.000	< 300.000
2	Khả năng tiếp nhận phương tiện có trọng tải toàn phần (tấn)	≥ 500	< 500
3	Kết nối giao thông	Đường chuyên dùng với quốc lộ hoặc đường tỉnh hoặc đường huyện	Đường chuyên dùng với đường tỉnh hoặc đường huyện hoặc đường xã
4	Kết cấu cầu bến	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn, tổng chiều dài bến trên 50m và có thiết bị cơ giới xếp dỡ hàng hóa	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn, tổng chiều dài bến đến 50m và có thiết bị cơ giới xếp dỡ hàng hóa
5	Diện tích kho, bãi chứa (m ²)	> 1.000	≤ 1.000

6	Hệ thống thiết bị camera ghi hình tại bến theo dõi phương tiện cập bến bốc, xếp hàng hóa kết nối với máy chủ quản lý của bến, chế độ lưu trữ dữ liệu tối thiểu 10 ngày (bộ)	≥ 02	không bắt buộc
---	---	------	----------------

7.2 Tiêu chuẩn phân loại bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa

Bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa được phân thành 2 loại, từ loại I đến loại II theo Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2 - Phân loại bến chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa

TT	Quy mô bến	Loại bến	
		Loại I	Loại II
1	Khả năng đóng mới và tiếp nhận phương tiện sửa chữa có trọng tải toàn phần (tấn)	≥ 500	<500
2	Kết nối giao thông	Đường chuyên dùng với quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện	Đường chuyên dùng với đường tỉnh, đường huyện, đường xã
3	Kết cấu cầu bến (nếu có)	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn, tổng chiều dài bến trên 50m và có thiết bị cơ giới để trang trí, hoàn thiện phương tiện	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn, tổng chiều dài bến đến 50m và có thiết bị cơ giới để trang trí, hoàn thiện phương tiện
4	Đường triền và kết cấu đường triền	Đường ray trên tà vẹt đá dăm, ray trên dầm bê tông cốt thép trên nền đá	Đường ray trên tà vẹt đá dăm, ray trên dầm bê tông cốt thép trên nền đá balat,

		balat, ray trên dầm bê tông cốt thép trên nền cọc	ray trên dầm bê tông cốt thép trên nền cọc
5	Diện tích kho, bãi đóng mới, sửa chữa (m ²)	>1.000	≤1.000
6	Hệ thống thiết bị camera ghi hình tại bến theo dõi đóng mới phương tiện hoặc phương tiện cập bến sửa chữa kết nối với máy chủ quản lý của bến, chế độ lưu trữ dữ liệu tối thiểu 10 ngày (bộ)	≥ 02	không bắt buộc

7.3 Tiêu chuẩn phân loại bến hành khách

Bến hành khách được phân thành 3 loại, từ loại I đến loại III theo Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3 - Phân loại bến hành khách

TT	Quy mô bến	Loại bến		
		Loại I	Loại II	Loại III
1	Khả năng tiếp nhận số lượng hành khách thông qua bến (khách/năm)	> 50.000	từ 30.000 đến 50.000	< 30.000
2	Khả năng tiếp nhận phương tiện có sức chở (hành khách)	trên 70	trên 30 đến 70	đến 30
3.	Kết cấu bến	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn; có lối đi cho hành khách lên xuống riêng biệt hoặc lối đi có dải phân cách cứng giữa 2 làn, quy định	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn; lối đi chiều rộng tối thiểu 1m có dải phân cách cứng hoặc mềm giữa 2 làn cho hành	Bê tông cốt thép hoặc thép hoặc các vật liệu khác bảo đảm các điều kiện an toàn; lối đi chiều rộng tối thiểu 1m cho hành khách lên xuống trực tiếp. Hai

		mỗi làn tối thiểu 0,6m cho hành khách lên xuống trực tiếp. Hai bên có thanh chắn, tay vịn an toàn cao 1m.	khách lên xuống trực tiếp. Hai bên có thanh chắn, tay vịn an toàn cao 1m.	bên có thanh chắn, tay vịn an toàn cao 1m.
4	Khu nhà chờ cho hành khách (người)	≥ 70	từ 30 đến dưới 70	< 30
5	Dịch vụ và niêm yết giá dịch vụ tại bến	có	có	Không bắt buộc
6	Diện tích bến đỗ phương tiện công cộng và cá nhân đường bộ (m^2)	≥ 500	từ 300 đến dưới 500	< 300
7	Kết nối giao thông	Đường thủy với đường bộ có khu trung tâm đô thị hoặc khu dân cư hoặc khu du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử.	Đường thủy với đường bộ có khu trung tâm đô thị hoặc khu dân cư hoặc khu du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử.	Đường thủy với đường bộ có khu trung tâm đô thị hoặc khu dân cư hoặc khu du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử.
8	Hệ thống thiết bị camera ghi hình tại bến để kiểm soát phương tiện, người hoạt động tại bến kết nối với máy chủ quản lý của bến, chế độ lưu trữ dữ liệu tối thiểu 10 ngày (bộ)	≥ 03	≥ 02	≥ 01

7.4 Tiêu chuẩn phân loại bến khách ngang sông

Bến khách ngang sông được phân thành 3 loại từ loại I đến loại III theo Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4 - Phân loại bến khách ngang sông

TT	Quy mô bến	Loại bến		
		Loại I	Loại II	Loại III
1	Số lượng hành khách thông qua bến trung bình (người/năm)	từ 100.000 đến 150.000	Từ 35.000 đến dưới 100.000	< 35.000
2	Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ (xe/năm)	≥ 90.000	Từ 45.000 đến dưới 90.000	<45.000
3	Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ bao gồm: xe tải chở hàng cỡ nhỏ trọng tải dưới 3,5 tấn và xe chở khách dưới 16 chỗ	Được chờ ô tô	Không bắt buộc	Không bắt buộc
4	Kết cấu bến	Đường lên xuống bằng bê tông cốt thép hoặc bê tông, chiều rộng bề mặt đường từ 7m trở lên, độ dốc dọc $i \leq 10\%$	Đường lên xuống bằng bê tông cốt thép hoặc bê tông, chiều rộng mặt đường từ 5m trở lên, độ dốc dọc $i \leq 10\%$	Đường lên xuống bằng bê tông hoặc đá lèn chặt, chiều rộng mặt đường từ 2,5m trở lên, độ dốc dọc $i \leq 10\%$
5	Kết nối giao thông	Quốc lộ, đường tỉnh hoặc đường huyện phục vụ phương tiện chở hàng và nhu cầu đi lại người dân	Đường huyện, đường xã phục vụ đi lại của người dân	Đường xã, phục vụ nhu cầu dân sinh là chủ yếu

7.5 Tiêu chuẩn phân loại bến tổng hợp

Phân loại bến tổng hợp được lựa chọn xác định trên cơ sở đánh giá đối với phương thức của từng loại bến hàng hóa (Bảng 1, tiểu mục 7.1), chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa (Bảng 2, tiểu mục 7.2), hành khách (Bảng 3, tiểu mục 7.3) và khách ngang sông (Bảng 4, tiểu mục 7.4), chi tiết đánh giá như sau:

a) Bến tổng hợp bao gồm 02 phương thức: hàng hóa kết hợp với chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa, mức phân loại bến tổng hợp được đánh giá, xác định như sau:

- Bến loại I: cả 02 phương thức đều được xếp loại I;

- Bền loại II: cả 02 phương thức đều được xếp loại II hoặc có 01 phương thức được xếp loại I;

b) Bền tổng hợp bao gồm 02 phương thức: hành khách kết hợp với bến khách ngang sông, mức phân loại bền tổng hợp được đánh giá, xác định như sau:

- Bền loại I: cả 02 phương thức đều được xếp loại I;

- Bền loại II: cả 02 phương thức đều được xếp loại II hoặc có 01 phương thức được xếp loại I;

- Bền loại III: cả 02 phương thức đều xếp loại III hoặc có 01 phương thức xếp loại III và 01 phương thức xếp loại II.

c) Bền tổng hợp bao gồm 02 phương thức: hàng hóa (Bảng 1) hoặc chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa (Bảng 2) với hành khách (Bảng 3) hoặc khách ngang sông (Bảng 4), mức phân loại bền tổng hợp được đánh giá, xác định theo mức loại bến hành khách hoặc bến khách ngang sông.

d) Bền tổng hợp bao gồm 03 phương thức: hàng hóa (Bảng 1) và chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa (Bảng 2) với hành khách (Bảng 3) hoặc khách ngang sông (Bảng 4), mức phân loại bền tổng hợp được đánh giá, xác định như sau:

- Bền loại I: cả 03 phương thức đều được xếp loại I hoặc có 02 phương thức xếp loại I và 01 phương thức xếp loại II;

- Bền loại II: có từ 02 phương thức được xếp loại II trở lên hoặc có 01 phương thức xếp loại I và ít nhất 01 phương thức xếp loại II hoặc có 02 phương thức xếp loại I và 01 phương thức xếp loại III.

d) Bền tổng hợp bao gồm 03 phương thức: hàng hóa hoặc chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa kết hợp hành khách và bến khách ngang sông:

- Bền loại I: cả 03 phương thức đều được xếp loại I hoặc có 02 phương thức xếp loại I và 01 phương thức xếp loại II;

- Bền loại II: có từ 02 phương thức xếp loại II trở lên hoặc có 01 phương thức xếp loại I và không quá 01 phương thức xếp loại III hoặc có 02 phương thức xếp loại I và 01 phương thức xếp loại III.

- Bền loại III: có 02 phương thức xếp loại III.

đ) Bền tổng hợp bao gồm cả 04 phương thức: hàng hóa, chuyên dùng đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa, hành khách và bến khách ngang sông:

+ Bền loại I: cả 04 phương thức được xếp loại I hoặc có 03 phương thức xếp loại I và 01 phương thức xếp loại II;

+ Bền loại II: có 02 phương thức được xếp loại I và ít nhất 01 phương thức được xếp loại II hoặc có từ 03 phương thức được xếp loại II trở lên hoặc có 01 phương thức được xếp loại I và từ 02 phương thức được xếp loại II trở lên ;

+ Bền loại III: có 02 phương thức xếp loại III.



